

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 266/2018/DS-PT
Ngày 19- 10 - 2018
V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng CNQSDĐ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương
Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16/10/2018 và ngày 19/10/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2017/TLPT- DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự – Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 366/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Kim C, sinh năm 1934 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Kim C:

1. Hồ Tăng T, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: số nhà 147, ấp N2, xã N3, huyện P, thành phố Cần Thơ.

2. Hồ Thị H, sinh năm 1953;

Địa chỉ: số nhà 262, ấp B2, xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

3. Hồ Ngọc T2, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: số nhà 822, ấp B4, xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hồ Thị Lệ H2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số nhà 823, ấp B4, xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà H2: Ông Hồ Tăng T, sinh năm 1952 (có mặt). Địa chỉ: số nhà 147, ấp N2, xã N3, huyện P2, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền vào ngày 12/6/2015).

Bị đơn: Lưu Thị Thanh T3 (Kiều O), sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: số nhà 25/9, đường T4, khu phố 6, phường T5, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Mai T6 – Công ty Luật TNHH MTV Tuyên Thụy và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Hồ Ngọc T2, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 822, ấp B4, xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Hồ Tăng T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Bà Nguyễn Kim C, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Kim C: ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2 và bà Hồ Thị Lệ H2 trình bày:

Ông Hồ Tăng P3 và bà Nguyễn Kim C là vợ chồng.

Ông Hồ Tăng P3, sinh năm 1927 (chết ngày 14/01/2010); Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1934 (chết ngày 01/4/2015). Ông P3 và bà C chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống, ông P3 và bà C có tất cả 05 người con gồm: ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2, bà Hồ Thị Lệ H2 và Hồ Thị Mỹ C2 (chết lúc nhỏ, chưa lập gia đình).

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà C và bà T3, thuộc thửa 556, tờ bản đồ số 3a là tài sản chung của ông Hồ Tăng P3 và bà Nguyễn Kim C.

Vào ngày 22/10/1991, ông Hồ Tăng P3 được Ủy ban nhân dân huyện L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 39, tờ bản đồ số 3a, diện tích tổng cộng là 2.842m². Đất tọa lạc xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp. Ông Hồ Ngọc T2 sống chung với ông P3 và bà C.

Vào khoảng tháng 05/2005, để giải quyết khó khăn về kinh tế nên ông T2 được ông P3 đồng ý cho ông T2 một phần diện tích đất. Ông T2 đã chuyển nhượng cho bà T3 một phần diện tích đất là 2.338m² tại thửa 39, tờ bản đồ số 3a. Như vậy, thửa 39 do ông P3 đứng tên được tách thành hai thửa mới là: thửa 556 chuyển nhượng cho bà T3 là 2.338m² và thửa 557 còn lại 504m² do ông Hồ Tăng P3 đứng tên (thửa đất này hiện nay ông T là người trực tiếp quản lý và sử dụng).

Do bà C và ông P3 không ký tên tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T3 nên bà C làm đơn khiếu nại về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên. Khiếu nại của bà C được Ủy ban nhân dân xã B3 hòa giải nhưng kết quả hòa giải không thành.

Đến năm 2007, bà C tiếp tục khởi kiện bà T3 đến Tòa án nhân dân huyện L2. Tòa án nhân dân huyện L2 đã thụ lý và giải quyết bằng Bản án dân sự

sơ thẩm số 12/2011/DS-ST ngày 15/4/2011, với nội dung: Chấp nhận cho bà T3 được quyền sử dụng diện tích đất là 2.478m². Bà C không đồng ý nên kháng cáo bản án sơ thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 314/2011/DS-PT ngày 21/9/2011, với nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim C và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sau đó, bà C đã khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại bản án dân sự phúc thẩm. Tòa án nhân dân Tối cao đã giải quyết lại bằng Quyết định giám đốc thẩm số 508/2014/DS-GĐT ngày 08/12/2014, với nội dung: Hủy một phần bản án dân sự phúc thẩm số 314/2011/DS-PT ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2011/DS-ST ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện L2 đối với diện tích đất 140m² thuộc thửa 556 tờ bản đồ 03a; Đồng thời giao cho Tòa án nhân dân huyện L2 giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Kim C và ông Hồ Tăng P3, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, ông Hồ Tăng T thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 556 do bà T3 đứng tên và thửa 557 do ông P3 đứng tên theo Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016: Mốc M2 giáp kênh Q đo đến mốc M3 – mốc M6 và mốc M7 giáp đất bà Đ. Ông T không tiếp tục tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C, ông P3 với bà T3 với tổng diện tích đất là 2.478m².

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án, diện tích đất hiện nay bà Lưu Thị Thanh T3 đang sử dụng nhiều hơn diện tích đất bà T3 đã chuyển nhượng đất năm 2005. Vì vậy, ông Hồ Tăng T yêu cầu bà T3 trả lại cho bà Nguyễn Kim C và ông Hồ Tăng P3 (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) diện tích đất là 564,3m² thể hiện tại các mốc M1 - M2 - M3 - M6 - M5 và mốc M4 (kèm theo Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Văn phòng đất ký quyền sử dụng đất huyện L2 vào ngày 30/12/2016).

Ông T thống nhất diện tích đất 140m² mà Tòa án nhân dân tối cao đã hủy nằm trong diện tích đất 564,3m² mà ông T yêu cầu nói trên.

* Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Lưu Thị Thanh T3 trình bày:

Vào năm 2005, bà T3 có chuyển nhượng của ông Hồ Tăng P3 diện tích đất là 2.338m², giá trị là 95.000 đồng/m² với tổng số tiền là 222.110.000 đồng. Bà T3 và ông P3 đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên.

Bà C là vợ của ông P3.

Do bà C không đồng ý với việc chuyển nhượng nói trên nên bà C đã khởi kiện bà T3.

Khi Tòa án giải quyết tranh chấp giữa bà C và bà T3, Tòa án đã kết hợp cùng cơ quan có thẩm quyền đến đo đạc hiện trạng diện tích đất chuyển nhượng. Sau khi tính tổng diện tích đất chuyển nhượng đã thừa 140m². Bà T3 thỏa thuận cùng ông Hồ Ngọc T2 trả thêm số tiền là 14.000.000 đồng, tương ứng với giá trị diện tích đất 140m². Như vậy, tổng diện tích đất bà T3 chuyển nhượng từ ông P3

là 2.478m² (trong đó có 2.338m² chuyển nhượng trước và 140m² đất thừa). Tòa án nhân dân huyện L2 đã giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2011/DS-ST ngày 15/4/2011. Bà C không đồng ý nên đã kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã giải quyết kháng cáo của bà C bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 314/2011/DS-PT, ngày 21/9/2011, nội dung là không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Khi Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, bà T3 đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện L2 yêu cầu thi hành bản án nói trên. Sau khi được thi hành án xong, bà T3 đã kê khai diện tích đất 2.478m² và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 150, tờ bản đồ 17 (thửa cũ 556). Sau khi cơ quan thi hành án thi hành bản án theo yêu cầu của bà T3, đã xác định mốc ranh theo Bản án dân sự phúc thẩm xong, bà T3 đã tiến hành làm hàng rào kiên cố xung quanh toàn bộ diện tích đất đã chuyển nhượng.

Bà T3 thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 150, tờ bản đồ 17 của bà T3 và thửa 557 của ông Hồ Tăng P3 theo Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016 là đất giáp kênh Q: từ mốc M2 đo đến mốc M3, mốc M6 và mốc M7. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 2.478m² cấp cho hộ bà T3 nhưng thuộc quyền sử dụng của cá nhân bà T3, thành viên trong hộ bà T3 không tham gia chuyển nhượng và sử dụng đất.

Bà Lưu Thị Thanh T3 không đồng ý trả lại diện tích đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Kim C (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông T, bà H, ông T2 và bà H2) diện tích đất 564,3m².

* Ông Hồ Ngọc T2 trình bày:

Nguồn gốc đất hiện đang có tranh chấp, trước đây là của ông Hồ Tăng P3 (cha ruột ông T2) đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 43, sau đổi lại thành thửa 39, diện tích tổng cộng là 2.842m².

Khi chuyển nhượng đất cho bà T3, ông P3 tách thửa 39 thành 02 thửa: thửa 556 và thửa 557. Thửa 556, ông P3 cho ông T2 để chuyển nhượng cho bà T3 và hai bên đã làm xong thủ tục. Đồng thời, ông P3 và ông T2 có nhận thêm của bà T3 số tiền 13.300.000 đồng do khi đo đạc đất chuyển nhượng thửa 140m².

Ông Hồ Ngọc T2 thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 556 của bà T3 và thửa 557 của ông P3 theo Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016: giáp kênh Q là mốc M2 kéo đến mốc M3, đến mốc M6 và mốc M7 giáp đất bà Đ. Ông T2 không tiếp tục tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C, ông P3 và bà T3.

Diện tích đất hiện nay bà T3 đang sử dụng nhiều hơn so với diện tích đất chuyển nhượng năm 2005. Ông Hồ Ngọc T2 thống nhất với yêu cầu của ông Hồ Tăng T yêu cầu bà Lưu Thị Thanh T3 trả lại diện tích thửa là 564,3m² được nối từ mốc M1, M2, M3, M6, M5 và M4 theo Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Văn phòng đất ký quyền sử dụng đất huyện L2 ngày 30/12/2016. Ông T2 thống

nhất diện tích 140m² mà Tòa án nhân dân tối cao đã hủy nằm trong diện tích 564,3m² mà ông T và ông T2 yêu cầu.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 32/2017/DS – ST, ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L2 đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Hồ Tăng T, Hồ Thị H, Hồ Ngọc T2, Hồ Thị Lệ H2, về việc yêu cầu bà Lưu Thị Thanh T3 trả lại diện tích 140m² thuộc thửa 150, tờ bản đồ 17 do Lưu Thị Thanh T3 đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Kim C, ông Hồ Tăng P3 với bà Lưu Thị Thanh T3 đối với diện tích 140m² thuộc thửa 150, tờ bản đồ 17 do Lưu Thị Thanh T3 đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

2. Án Phí:

Ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2 và bà Hồ Thị Lệ H2 phải chịu 630.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 969.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004684 ngày 17/4/2008, ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2 và bà Hồ Thị Lệ H2 được nhận lại 339.000 đồng.

3. Về chi phí thẩm định, định giá:

Ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2 và bà Hồ Thị Lệ H2 phải chịu 5.924.000 đồng, đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/8/2017, ông Hồ Tăng T kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Hồ Tăng T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Kim C - Nguyên đơn của vụ án đã kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu của ông T yêu cầu bà T3 trả lại diện tích đất bị lấn chiếm tại các vị trí mốc: Mốc M1 – M2 – M3 – M4 – M5 – M6 – M7 – M8, tổng diện tích là 629,9m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thay đổi yêu cầu bà T3 trả lại diện tích đất bị lấn chiếm tại các vị trí mốc: Mốc M1 – M2 – M3 – M6 – M5 – M4 và M1, tổng diện tích là 564,3m².

Bà Lưu Thị Thanh T3 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và kháng cáo của ông T. Bà T3 xác định, bà T3 không lấn chiếm diện tích đất nào của ông P3 và bà C.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Ông Hồ Tăng T thống nhất: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồ Tăng P3 và bà Lưu Thị Thanh T3 vào ngày 26/5/2005, diện tích đất 2.338m² và diện tích 140m² bị hủy một phần bản án dân sự phúc thẩm thể hiện tại Quyết định giám đốc thẩm số 508/2014/DS-GĐT ngày 08/12/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao, tổng diện tích đất là 2.478m².

Ông Hồ Tăng T và hàng thừa kế của bà Nguyễn Kim C không tiếp tục tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nói trên với diện tích 140m².

[2] Xét kháng cáo của ông Hồ Tăng T.

Ông Hồ Tăng T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của ông T yêu cầu bà T3 trả lại cho ông P3, bà C diện tích đất bị lấn chiếm tại các vị trí mốc: Mốc M1 – M2 – M3 – M6 – M5 – M4 và M1, tổng diện tích là 564,3m².

Kháng cáo của ông Hồ Tăng T là không có cơ sở, không phù hợp bởi các căn cứ sau đây:

- Ông T xác định: Theo hợp đồng chuyển nhượng vào năm 2005 giữa ông P3 và bà T3, ông P3 và ông T2 đã giao cho bà T3 diện tích đất đã chuyển nhượng tại các vị trí mốc: M1 – M4 – M5 – M8 – M9 – M10 – M11 – M12 – M13 – M14 – M15 và M1, tổng diện tích qua Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L2. Diện tích đất tổng cộng theo các mốc nói trên là 2.562,5m², nhiều hơn diện tích chuyển nhượng là 84,5m².

Ngoài ra, ông T và ông T2 còn xác định, bà T3 đã xây dựng vách tường rào kiên cố tại các vị trí mốc: mốc M1 – M2 – M3 – M4 – M22 – M21 – M20 – M18 – M17 – M16 – M11 – M12 - M13 – M14 – M15 và M1. Các vị trí mốc gồm: M3 – M4 – M22 – M21 – M20 – M18 – M17 – M16 – M11 – M10 – M9 – M8 – M7 – M6 và M3 hiện nay bà T3 không sử dụng. Hiện trạng của vị trí mốc 8 là gốc nhà của ông Hồ Tăng Buôn và phần diện tích 220,7m² nói trên do người sử dụng đất giáp ranh trồng cây.

- Tuy nhiên, Theo Công văn số 53/UBND-NC ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện L2 V/v phúc đáp nội dung yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” của bà Nguyễn Kim C, ngụ xã B3.

“Theo Sơ đồ tại vị trí các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 và M4 đo đạc phần đất tranh chấp ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L2 hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ (ông Lương Thành Tâm và ông Hồ Tăng Buôn) thuộc số thửa 168, 05 và tờ bản đồ số 17”.

Tất cả các vị trí mốc nói trên có diện tích tổng cộng là 406,3m². Cùng nội dung trả lời tại Công văn 53 thì vị trí các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9,

M10, M11, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 và M4 không thuộc quyền sử dụng của thửa 556 đã cấp cho bà T3.

- Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 314/2011/DS-PT ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và kèm theo Biên bản V/v xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2010, cùng Bản Trích đo bản đồ: Diện tích đất tổng cộng được giao cho bà T3 theo Bản trích đo nói trên là 2.645m².

Khi Tòa án nhân dân Tối cao xem xét và giải quyết theo khiếu nại của bà Nguyễn Kim C bằng Quyết định giám đốc thẩm số 508/2014/DS-GĐT ngày 08/12/2014 đã có nhận định “*Đối với phần diện tích 140m² đất theo bà T3 trình bày có thỏa thuận với cụ P3, cụ C và ông T2 thống nhất chuyển nhượng với giá 14.000.000 đồng, bà T3 giao tiền cho ông T2, các bên đã cầm cọc rào nhưng chưa làm thủ tục kê khai, đăng ký bổ sung. Ông T2 thừa nhận có thỏa thuận chuyển nhượng tiếp nhưng cụ C không thừa nhận mà cho rằng việc ông T2 thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 140m² đất là không được sự đồng ý của cụ P3 và cụ C cũng như bà T3 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh giữa các bên có việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên....*”. Ngoài ra, Quyết định nói trên không sửa, hủy, thay đổi diện tích đất đã được xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2010 và nội dung nào khác.

- So sánh qua hai lần xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2010 (diện tích là 2.645m²) và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 30/12/2016 (diện tích là 2.780,5m²) thì diện tích đất đo đạc ngày 30/12/2016 có chênh lệch và nhiều hơn là 135,5m².

Điều này phù hợp với lời trình bày của bà T3: bà T3 có san lấp thêm diện tích đất phía giáp kênh Q chiều ngang là 03 mét. Bởi vì, qua kiểm tra của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/8/2018 tại các vị trí mốc thể hiện tại Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L2 và định vị diện tích đất có chiều ngang 03 mét, chiều dài giáp kênh Q tại các vị trí mốc: M2 – A8 – A10 – A6 – A7 – A2 – A11 – A9 – M15 – M1 – A1 và M2 có diện tích là 139,5m².

Như vậy, diện tích chênh lệch qua kiểm tra còn lại là 4m².

- Bên cạnh đó, ông Hồ Tăng P3 được Ủy ban nhân dân huyện L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 39, tờ bản đồ số 3a, diện tích tổng cộng là 2.842m² vào ngày 22/10/1991. Đất tọa lạc xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp. Khi ông P3 thống nhất chuyển nhượng cho bà T3 một phần diện tích đất là 2.338m² tại thửa 39, tờ bản đồ số 3a. Như vậy, diện tích đất thuộc thửa 39 do ông P3 đứng tên được tách thành hai thửa mới là: thửa 556 chuyển nhượng cho bà T3 diện tích là 2.338m² và thửa 557 còn lại diện tích là 504m² do ông Hồ Tăng P3 đứng tên (thửa đất này hiện nay ông T là người trực tiếp quản lý và sử dụng).

Ông T có Đơn kháng cáo cho rằng bà T3 lấn chiếm đất tổng diện tích đất là 629,9m²; Tại các Đơn kháng cáo đề ngày 06/9/2017 (gửi nhiều nơi) diện tích đất ông T yêu cầu là 714,4m² (chiều ngang là 14,57 mét); Đơn khiếu nại ngày 26/4/2018 (gửi nhiều nơi) diện tích đất ông T yêu cầu bà T3 trả lại là

714,4m² là do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp dư đất cho bà T3 tại thửa 556 và cấp thiếu cho cha ông (ông Hồ Tăng P3) tại thửa 557 là 714,4m²....

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu bà T3 trả cho ông diện tích đất là 560m², sau đó thay đổi yêu cầu bà T3 trả cho ông diện tích là 564,3m².

Ngoài ra, ông T trình bày: Bà T3 lấn chiếm đất 02 lần, thời gian lấn chiếm cụ thể ông T không biết. Nhưng khi Tòa án tiến hành đo đạc diện tích đất thực tế của bà T3 sử dụng, ông T mới phát hiện. Các lần bà T3 lấn chiếm như sau:

+ Đo đạc lần đầu vào ngày 13/5/2010, bà T3 lấn chiếm chiều ngang đất là 08 mét, từ mốc M1 đến khoảng giữa của mốc M2 và từ mốc M4 đến khoảng giữa của mốc M3. Do thời gian này, ông T đang nuôi bà C bị bệnh nên không biết bà T3 lấn chiếm như thế nào.

+ Đo đạc lần hai vào ngày 30/12/2016, là phần chiều ngang còn lại cho đến vách tường rào kiên cố hiện nay của bà T3. Bà T3 lấn chiếm cụ thể như thế nào, ông T không biết.

Ông T và ông T2 xác định: khi giao diện tích đất chuyển nhượng đất cho bà T3 năm 2005, hai bên thống nhất trồng nhiều trụ đá để xác định ranh đất giữa bà T3 và diện tích đất còn lại của ông Hồ Tăng P3 cùng những người sử dụng giáp ranh đất liền kề.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay, ông Hồ Tăng P3 còn lại diện tích đất là 504m² thuộc thửa 557 do ông T đang quản lý sử dụng. Ông T cũng thừa nhận, diện tích đất tại thửa 557 vẫn còn đủ và đúng vị trí (giáp chiều ngang đất thuộc thửa 557 phía sau hậu là kênh Thủ Hậu). Ngoài ra, ông P3 không còn diện tích đất nào khác cùng vị trí.

Và khi xem xét tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án thể hiện:

+ Tại Biên bản V/v đối chiếu lại chữ ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã B3 vào ngày 25/01/2005 đã thể hiện nội dung: bà C xác định không ký tên vào tờ thỏa thuận bán đất và bà không biết ông T2 chuyển nhượng bao nhiêu đất cho bà T3. Bà C yêu cầu chừa lại một nền nhà cho ông T theo ý kiến của ông T.

+ Tại Biên bản làm việc V/v tranh chấp phần đất tọa lạc tại ấp B2 của Ủy ban nhân dân xã B3 vào ngày 29/9/2005 đã thể hiện nội dung: ông T thống nhất cho ông T2 chuyển nhượng đất trả nợ là 2.500m² nhưng phải trả lại diện tích đất 870m². Riêng ông T2 trình bày, ông T đã chuyển nhượng cho ông T2 tổng diện tích đất 3.200m², giá 07 chỉ vàng 24k khoảng 18 năm về trước. Ông T2 đã thỏa thuận chuyển nhượng cho bà T3 2.320m², để lại cho ông T một phần diện tích đất ngang 09 mét, chiều dài 60 mét nhưng ông T2 chỉ giải quyết cho ông T 500m², nếu ông T không đồng ý thì ông T đi thưa tiếp.

+ Tại Đơn khởi kiện ngày 06/11/2006 của bà Nguyễn Kim C. Bà C trình bày: bà C đồng ý để ông Hồ Ngọc T2 chuyển nhượng đất cho bà T3 2.338m² và chừa lại diện tích đất có chiều ngang 15 mét, chiều dài bình quân là 45,56 mét (diện tích là 683,4m²) trong đơn thể hiện là 757,5m² nhưng ông T2 lén chuyển

nhượng thêm một phần diện tích đất cho bà T3 nên bà C yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng này.

+ Ngoài ra, một Đơn khởi kiện khác của bà Nguyễn Kim C đề ngày 02/3/2007, bà C trình bày: bà C và ông P3 có tổng diện tích đất là $2.842m^2$. Bà C và ông P3 đồng ý để ông T2 chuyển nhượng cho bà T3 nhưng phải chừa lại cho ông T diện tích đất ngang 15 mét, chiều dài bình quân 50 mét (là $750m^2$). Tuy vậy, ông T2 lên chuyển nhượng thêm cho bà T3 diện tích đất ngang 08 mét, chiều dài bình quân 50 mét là $400m^2$. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng với bà T3, bà T3 phải trả lại cho bà C diện tích đất $400m^2$.

Lời trình bày của bà C cũng không phù hợp, bởi vì: ông P3 đã chuyển nhượng cho bà T3 $2.338m^2$, còn lại phải là $504m^2$; Nếu còn lại diện tích $750m^2$ thì đất ông P3 sẽ có diện tích tổng cộng là $3.088m^2$.

+ Vào ngày 17/4/2008, Tòa án nhân dân huyện L2 thụ lý vụ án theo Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kim C. Bà C yêu cầu hủy một phần diện tích đất bà T3 chuyển nhượng là $408m^2$ (chiều ngang 08 mét, chiều dài 51 mét).

Cùng thể hiện tại hồ sơ có các chứng cứ:

+ Tại Biên bản lấy lời khai của bà Hồ Thị H vào ngày 28/6/2010 tại Tòa án nhân dân huyện L2, bà H trình bày: diện tích đất do ông Hồ Tăng P3 đứng tên là của ông Hồ Ngọc T2. Khoảng năm 1990 (cách thời gian bà H khai khoảng 20 năm về trước), diện tích đất này là của ông T. Ông T chuyển nhượng lại cho ông T2 với giá là 07 chỉ vàng 24k.

+ Tại Bản trình bày và ý kiến của đương sự ngày 27/12/2007 tại Tòa án nhân dân huyện L2, ông Hồ Ngọc T2 trình bày: diện tích đất do ông Hồ Tăng P3 đứng tên tại thửa 39, diện tích đất khoảng $2.800m^2$ là do ông T2 chuyển nhượng lại của ông T (khoảng 20 năm về trước) với giá là 07 chỉ vàng 24k.

+ Tại Bản trình bày và ý kiến của đương sự ngày 17/12/2007 của ông Hồ Tăng T tại Tòa án nhân dân huyện L2, ông T trình bày: “Cha mẹ tôi có 04 người con, sau tiếp thu có phân chia đất đai cho con đồng đều, có để riêng phần hương hỏa.

Riêng phần thửa vườn, cha mẹ cho tôi. Tôi đi làm ăn xa, ở quê nhà em tôi thiếu nợ, mới đầu có hỏi tôi xin bán 50.000.000 đồng trả nợ cho ông sui, sau lên bán thêm 100.000.000 đồng trả nợ ngân hàng. Em gái tôi cho tôi hay tôi có làm đơn khiếu nại ở xã ngày 25/01/2005 hòa giải không thành.....

Mẹ tôi khuyên tôi cũng đồng ý xong, tôi và mẹ tôi có đến nhà Lưu Thị Thanh T3 (người mua) cho hay và lại miếng vườn cắm ranh chừa lại.

.....Nên tôi yêu cầu Tòa án hủy cho tôi một phần đất bán thêm, để khi về hưu cất nhà,....

Diện tích xin hủy hợp đồng chuyển nhượng ngang 08 mét, dài 51 mét bằng $408m^2$ để đủ đất ở, vì phần chừa lại cho tôi, cận mẹ sông lở, cộng một con đê ngăn nước của Hợp tác xã nông nghiệp, không còn chỗ cất nhà.....”.

+ Tại Biên bản hòa giải ngày 24/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện L2: ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà C yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng với diện tích 408m² (chiều ngang 08 mét, chiều dài 51 mét).

Bà T3 và ông T2 thống nhất trình bày: Khi thỏa thuận ban đầu, ông T2 chuyển toàn bộ diện tích đất khoảng 2.800m² cho bà T3, giá 95.000 đồng/m². Nhưng sau đó, do bà C và ông T cùng ông T2, bà T3 thỏa thuận chừa lại cho ông T diện tích đất 560m². Khi đo đạc thực tế phần đất chuyển nhượng là 2.338m² có thừa diện tích 140m² nên bà T3 trả thêm cho ông T2 số tiền 14.000.000 đồng.

+ Tại trang 2 của Quyết định giám đốc thẩm số 508/2014/DS-GĐT ngày 08/12/2014 Tòa án nhân dân Tối cao có thể hiện nội dung: ông Hồ Ngọc T2 trình bày “.....Trước đây, ông có bán toàn bộ phần đất này cho bà T3 có diện tích khoảng 2.800m², sau đó thỏa thuận trừ lại diện tích khoảng 560m² cho ông Hồ Tăng T, phần đất này cha ông cho ông T nhưng quyền sử dụng vẫn do cha ông đứng tên.....”.

+ Đồng thời, tại Biên bản V/v xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/10/2009 của Tòa án nhân dân huyện L2 và Biên bản giáp ranh về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện L2. Tại các biên bản nói trên, giữa ông T, bà T3 và người sử dụng đất giáp đã thỏa thuận ranh xong, cùng các mốc ranh đã được xác định cụ thể (trừ phần xác định ranh của bà Lê Thị Đ và ông Hồ Tăng T). Diện tích đất được xem xét, thẩm định ngày 14/10/2009 cùng kích thước của các cạnh chỉ lớn hơn so với diện tích đất được thể hiện tại Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp vào ngày 30/12/2016 là 4,6 mét.

Với tất cả trình bày nói trên của bà C, ông T và ông T2, cùng các chứng cứ được trích dẫn cụ thể đã hiện tại hồ sơ, cho thấy: trên tổng diện tích đất là 2.842m² do ông P3 đứng tên tại thửa 39, tờ bản đồ 3a, sau khi thống nhất chuyển nhượng cho bà T3 một phần và trừ lại cho ông T một phần, không còn thừa diện tích đất nào khác. Hai phần diện tích đất nói trên thể hiện tại hai thửa 556 và 557. Ông T kháng cáo cho rằng bà T3 lấn chiếm đất của ông P3, bà C nhưng tại các vị trí mốc mà ông T đã xác định giao cho bà T3 thông qua hợp đồng chuyển nhượng lại thuộc quyền sử dụng của người giáp ranh (theo Công văn số 53). Ông T cho rằng các vị trí đất do ông xác định thuộc thửa 556 nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của ông là có cơ sở.

Ngoài lời trình bày, ông T không còn căn cứ, giấy tờ, tài liệu để chứng minh bà T3 lấn chiếm đất của ông P3 và bà C, trong khi đó diện tích đất tổng cộng không thay đổi.

Trường hợp như ông T trình bày, bà T3 có di dời hàng trụ đá (sau khi chuyển nhượng đất, bà T3 còn dùng lưới B40 để kéo ranh) giáp ranh trước đây, thì ai là người chứng kiến hoặc biết việc đã xảy ra? Khi ông P3, bà C hoặc anh, em ông T phát hiện bà T3 lấn chiếm đất, có trình báo với chính quyền địa phương hay cơ quan có thẩm quyền nào không? Việc lấn chiếm đất của bà T3 cụ thể như thế nào? Lấn chiếm ra sao? Ông T cũng không trình bày được và cũng không có chứng cứ.

Ông T còn cho rằng, bà T3 lần chiếm đất có khi là diện tích 307m², 400m², 408m², 424m², 629.9m², 683.4m², 714.4m², 757.5m²....Trong khi diện tích đất còn lại là 504m² thuộc thửa 577 không thay đổi về diện tích cũng như hiện trạng. Hơn nữa, tại Đơn kháng cáo ông T còn xác định: do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L2 cấp đất cho bà T3 thừa diện tích, làm mất đất của ông Hồ Tăng P3. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày diện tích đất thừa thuộc thửa 556 của bà T3, do bà T3 sử dụng diện tích đất nhiều hơn diện tích đất đã chuyển nhượng nên bà T3 phải trả lại đất thừa cho ông P3 và bà C.

Như vậy, ông T cũng không xác định được diện tích đất mà ông trình bày bà T3 sử dụng thừa có từ lý do nào, vì sao thừa diện tích? Có phải do bà T3 lần chiếm hay không?

Thực tế đã chứng minh: Toàn bộ diện tích đất, trong đó có diện tích đất 140m² (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C thống nhất đã chuyển nhượng cho bà T3) đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 314/2011/DS-PT ngày 21/9/2011 có hiệu lực pháp luật (Kèm theo các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 14/10/2009 và ngày 28/4/2010) đã được thi hành xong.

Từ nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy: ông T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của ông T yêu cầu bà T3 trả diện tích đất thừa 560m² (hoặc diện tích đất khi khởi kiện là 564,3m² – 140m² = 424,3m²) cho ông P3, bà C là không có căn cứ, không phù hợp nên không chấp nhận.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Đối với việc xác định các vị trí mốc: Theo Sơ đồ tại vị trí các mốc M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22 và M4 đo đạc phần đất tranh chấp ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L2 hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ (ông Lương Thành Tâm và ông Hồ Tăng Buôi) thuộc số thửa 168, 05 và tờ bản đồ số 17. Ông T cho rằng các vị trí mốc nói trên thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Tăng P3 nên ông T không đồng ý với việc xác định nói trên của Ủy ban nhân dân huyện L2 tại Công văn số 53/UBND-NC ngày 22/3/2018; Ông T có thể khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất thành một vụ án dân sự khác.

[4] Đối với các nội dung thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, cụ thể: không xem xét, đánh giá chứng cứ và không làm rõ, xác định cụ thể nội dung khởi kiện của nguyên đơn, diện tích đất thừa do nguyên đơn xác định, cũng như các chứng cứ do hai bên đương sự xuất trình, Tòa án cấp sơ thẩm cần khắc phục.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm khắc phục những nội dung nói trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần điều chỉnh cách tuyên án của Tòa án cấp sơ thẩm đối với nội dung vụ án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án đối với người cao tuổi theo quy định của pháp luật. Ông T là đối tượng được xem xét miễn nộp án phí Tòa án theo quy định nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Lưu Thị Thanh T3 là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc bà T3 trả giá trị diện tích đất thừa (giá trị đất theo định giá của Hội đồng định giá huyện L2) cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà C.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai 2013;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Tăng T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L2.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Kim C, ông Hồ Tăng P3 với hộ bà Lưu Thị Thanh T3 đối với diện tích 140m² thuộc thửa 150, tờ bản đồ 17 do hộ bà Lưu Thị Thanh T3 đứng tên Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/7/2013. Đất tọa lạc ấp B4, xã B3, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ bà Lưu Thị Thanh T3 (gồm: bà Lưu Thị Thanh T3, sinh năm 1964; Ông Phạm Ngọc Tuấn, sinh năm 1960 và anh Lưu Kim Minh Trí, sinh năm 1991) được tiếp tục sử dụng diện tích đất tại các vị trí mốc gồm: M1 – M2 – M3 – M6 – M5 – M4 – M22 – M21 – M20 – M18 – M17 – M16 – M11 – M12 – M13 – M14 – M15 và M1.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện L2 và Sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) huyện L2, tỉnh Đồng Tháp).

Hộ bà Lưu Thị Thanh T3 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đối với diện tích đất được chấp nhận tiếp tục sử dụng nói trên.

- Về án phí:

Ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2, bà Hồ Thị Lệ H2 (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Kim C) phải chịu số tiền 630.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 969.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004684 ngày 17/4/2008. Như vậy, ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2, bà Hồ Thị Lệ H2 còn được nhận lại số tiền 339.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Hồ Tăng T được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 016620 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng cộng là 5.924.000 đồng (Năm triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) ông Hồ Tăng T, bà Hồ Thị H, ông Hồ Ngọc T2, bà Hồ Thị Lệ H2 phải chịu. Số tiền 5.924.000 đồng nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Phương – Sỹ Danh Đạt

Phạm Thị Liên Hiệp

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H. L2;
- Chi cục THADS H.L2;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp